



GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Số: 170/2025/DNNK-SVIBM

Chứng nhận sản phẩm:

GẠCH GỐM ÓP LÁT

Kiểu loại: Chi tiết tại phụ lục đính kèm

Đơn vị sản xuất

SHENYANG HAOSONG CERAMICS CO., LTD.

Address: Faku Economic Development Zone, Shenyang City, Liaoning Province, China

Đơn vị nhập khẩu:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phù hợp với QCVN 16:2023/BXD - Nhóm sản phẩm vật liệu ốp lát

Công ty được phép sử dụng dấu hợp quy



Phương thức đánh giá:

Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012;

Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017

và Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024

Giấy chứng nhận và dấu hợp quy có giá trị sử dụng kể từ 03/10/2025 đến hết 02/10/2028

TRƯỞNG VĂN PHÒNG

Phạm Đức Nhuận

Tp.HCM, ngày 03 tháng 10 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC PHÂN VIỆN



Nguyễn Hữu Tài

PHỤ LỤC / APPENDIX

DANH SÁCH SẢN PHẨM GẠCH CERAMIC CERAMIC TILES LIST

Đơn vị nhập khẩu/ *Importer:*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT.
VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: **170/2025/DNNK-SVIBM** ngày **03/10/2025** của Phân Viện Vật liệu xây dựng Miền Nam/ *According to Certificate No 170/2025/ DNNK-SVIBM dated October 03, 2025*)

STT No.	Tên sản phẩm Product's name	Nhóm Group	Đặc tính bề mặt Surface Properties	Mã sản phẩm Code	Kích thước Dimension (mm)
1	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bla	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed ceramic tiles	PLC102007GBHW	1000 x 2000 x 9.0
2				PLC102005GBHW	1000 x 2000 x 9.0
3				PLC102008GBHW	1000 x 2000 x 9.0
4				PLC102003GBHW	1000 x 2000 x 9.0
5				PLC102006GBHW	1000 x 2000 x 9.0
6				PLC102004GBHW	1000 x 2000 x 9.0
7				PLC102013GBH	1000 x 2000 x 9.0

8	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bia	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed ceramic tiles	LC102014	1000 x 2000 x 9.0
9				LC102018	1000 x 2000 x 9.0
10				VN751507T	750 x 1500 x 10.0
11				LS751501SH	750 x 1500 x 10.0
12				LS751502SH	750 x 1500 x 10.0
13				LS751503SH	750 x 1500 x 10.0
14				MTL801801SH	800 x 1800 x 9.3
15				MTL801802SH	800 x 1800 x 9.3
16				MTL801803SH	800 x 1800 x 9.3
17				MTL801804SH	800 x 1800 x 9.3
18				MTF801802P	800 x 1800 x 9.3
19				MGM02FP	200 x 200 x 9.3 200 x 400 x 9.3 400 x 400 x 9.3 400 x 600 x 9.3
20				MGM03FP	200 x 200 x 9.3 200 x 400 x 9.3 400 x 400 x 9.3 400 x 600 x 9.3

21	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bla	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed ceramic tiles	MGM04FP	200 x 200 x 9.3 200 x 400 x 9.3 400 x 400 x 9.3 400 x 600 x 9.3
22				LCP1209	1200 x 1200 x 9.5
23				LCP1213	1200 x 1200 x 9.5
24				LCP1206	1200 x 1200 x 9.5
25				LCP1207	1200 x 1200 x 9.5
26				LCP1201	1200 x 1200 x 9.5
27				LCP1202	1200 x 1200 x 9.5
28				LCP1203	1200 x 1200 x 9.5
29				60CP00	600 x 600 x 9.3
30				60CP01	600 x 600 x 9.3
31				60CP02	600 x 600 x 9.3
32				60CP03	600 x 600 x 9.3
33				612CP00	600 x 1200 x 9.3

VIỆN
 TIÊU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG QUỐC GIA
 HÀ NỘI

34	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	Bla	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed ceramic tiles	612CP01	600 x 1200 x 9.3
35				612CP02	600 x 1200 x 9.3
36				612CP03	600 x 1200 x 9.3

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2025

PHÂN VIỆN VLXD MIỀN NAM



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ths. Nguyễn Hữu Tài

